



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCPA Tập đoàn Macstar

Ngày 30/09/2025	16,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	13.5%

DT thuần Q3/25
72.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.8 35.3%
YoY: ▲ 37.6 109%

LN thuần Q3/25
34.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.8 75.3%
YoY: ▲ 25.3 275%

LN sau thuế Q3/25
27.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0 67.2%
YoY: ▲ 20.0 270%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
51.9%
YoY: +/- ▲ 13.5%

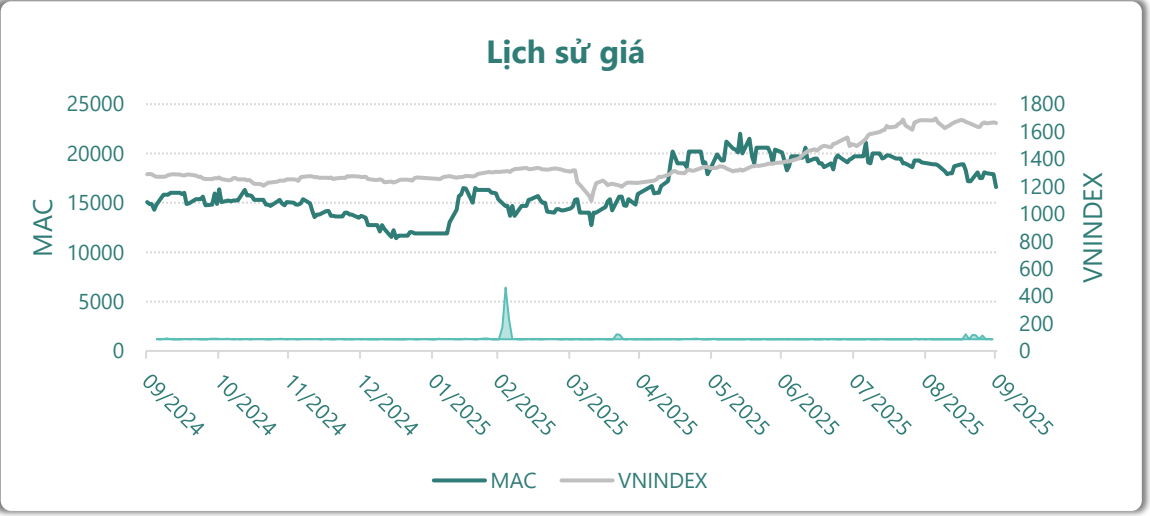
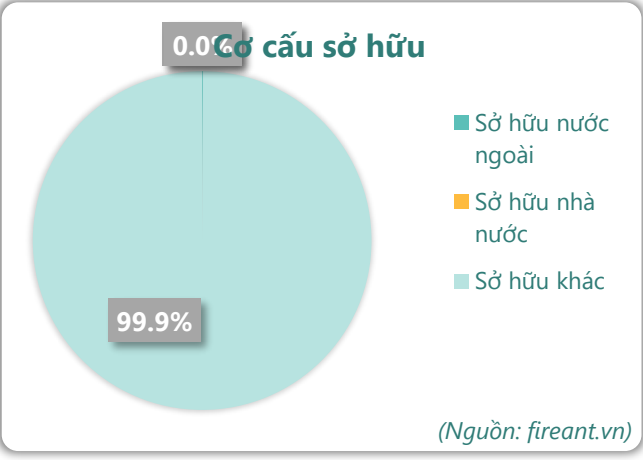
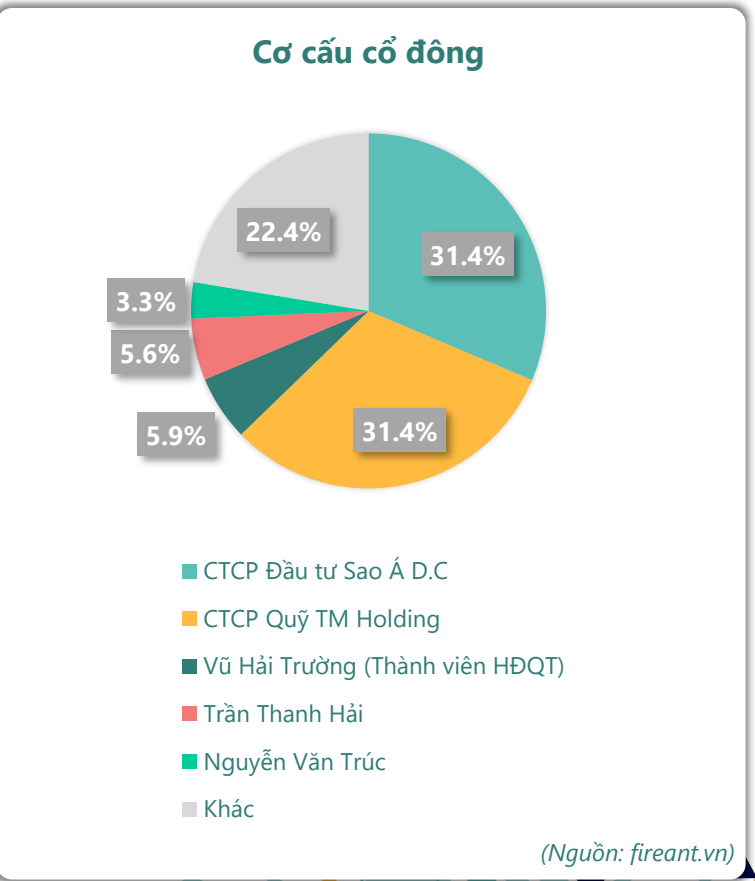
ROE (TTM) Q3/25
15.1%
YoY: +/- ▲ 3.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,420 - 22,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	377
Số lượng CPLH (CP)	22,709,408
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,100
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.39
EPS	2,138
P/E	7.8

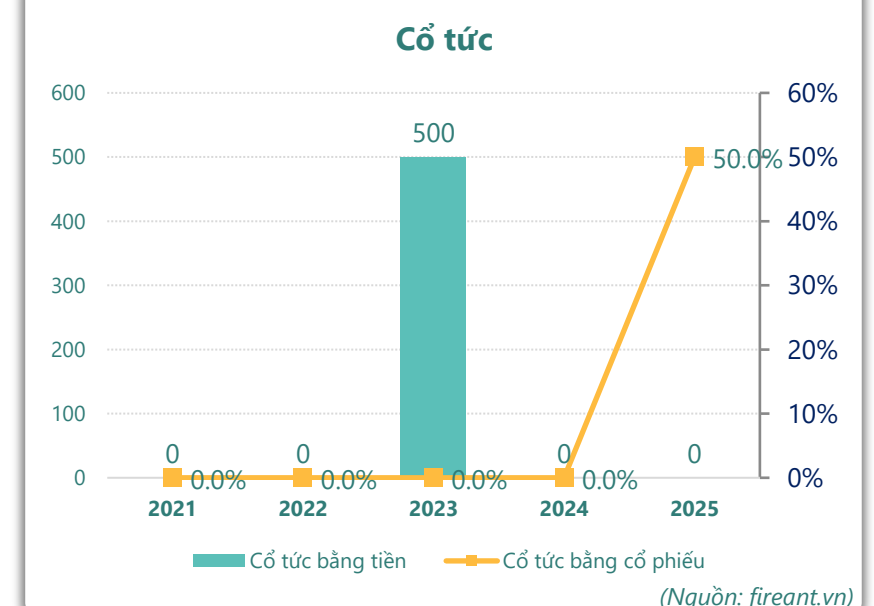
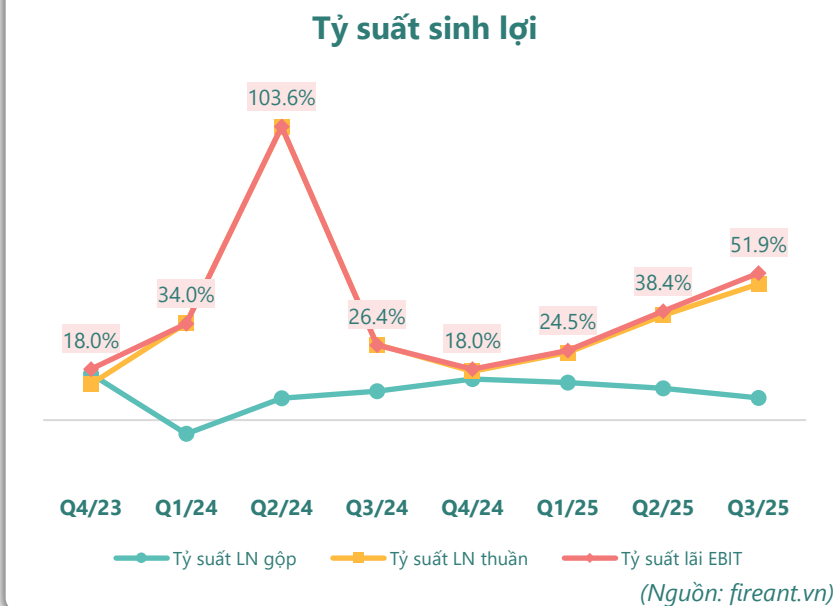
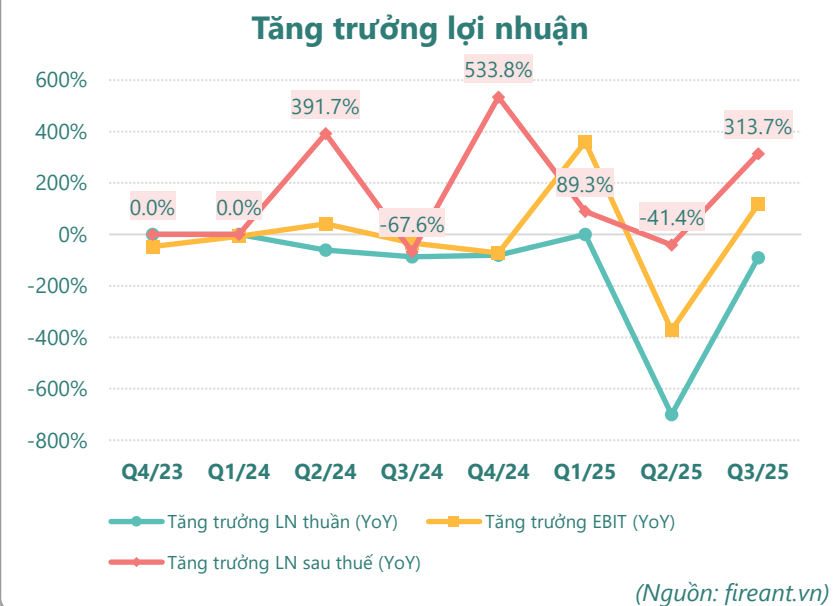
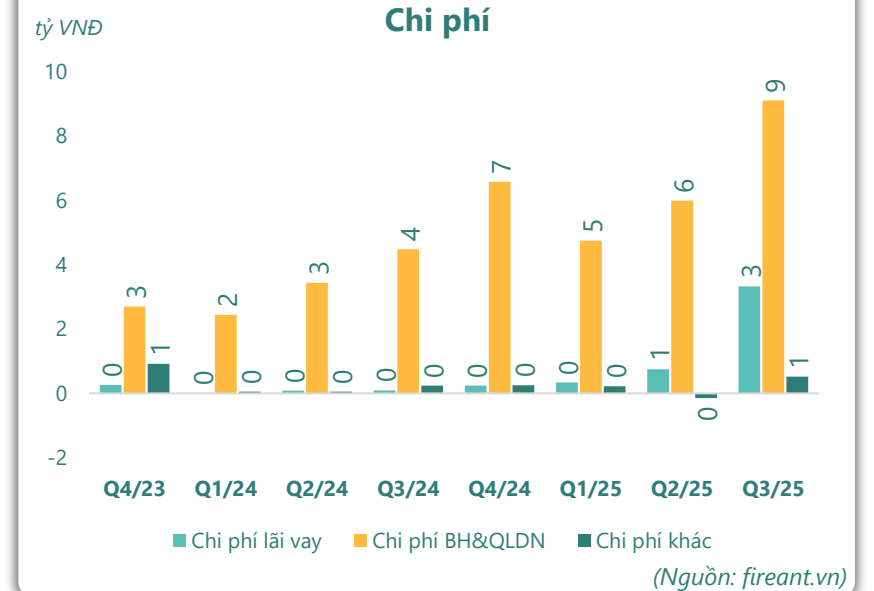
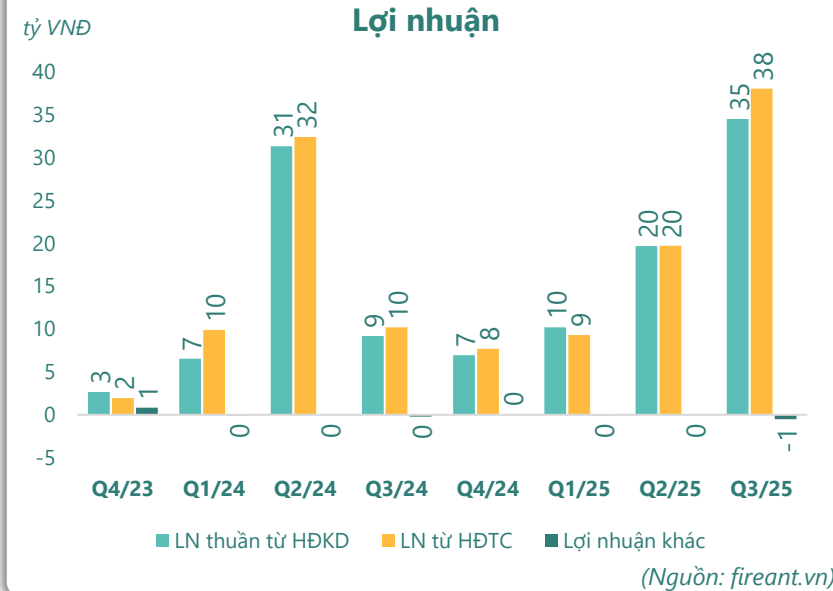
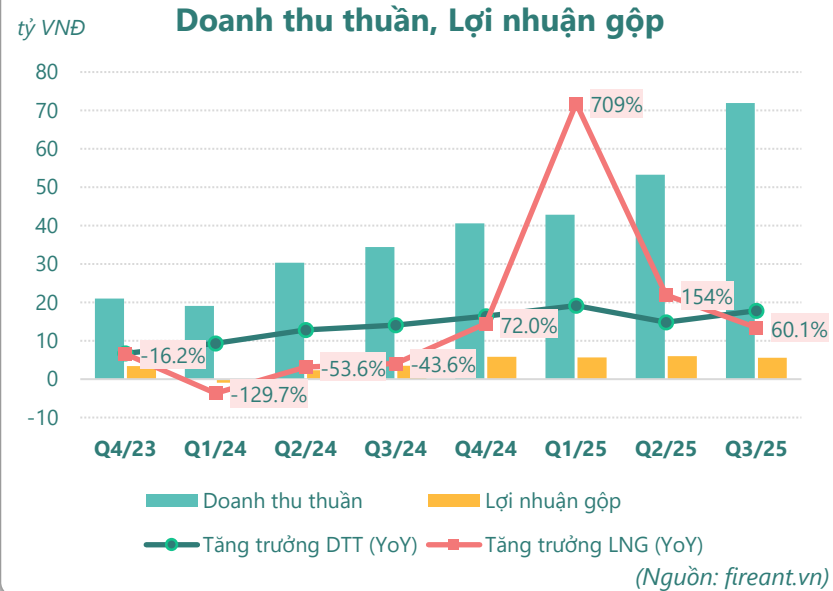
DT thuần 9T 2025
168
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 84.1 100%

LN thuần 9T 2025
64.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.3 36.9%

LN sau thuế 9T 2025
51.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.1 34.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH

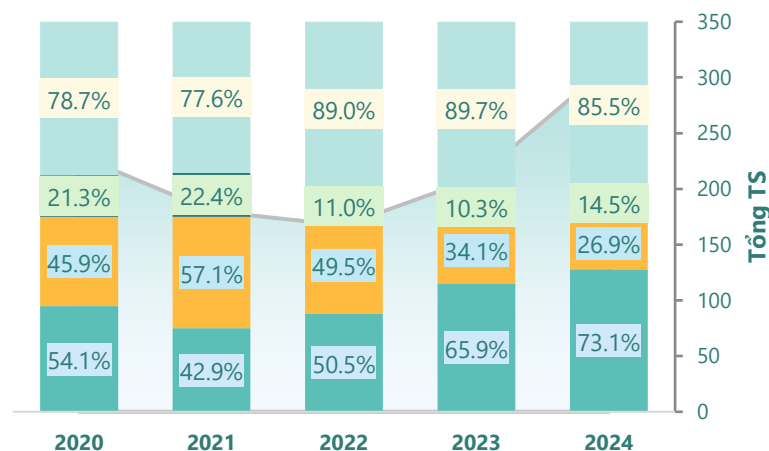




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

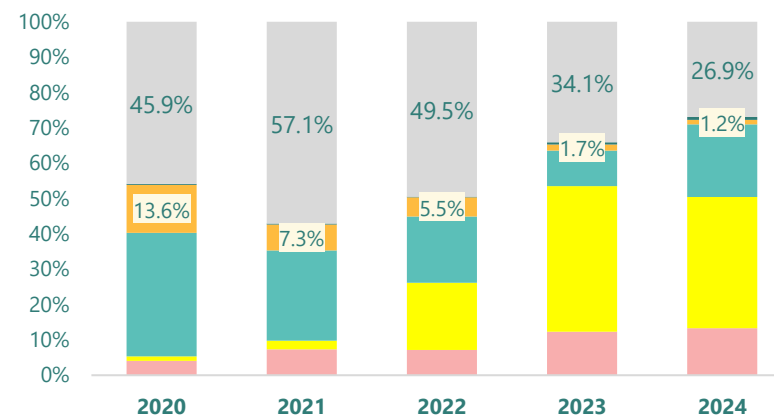
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

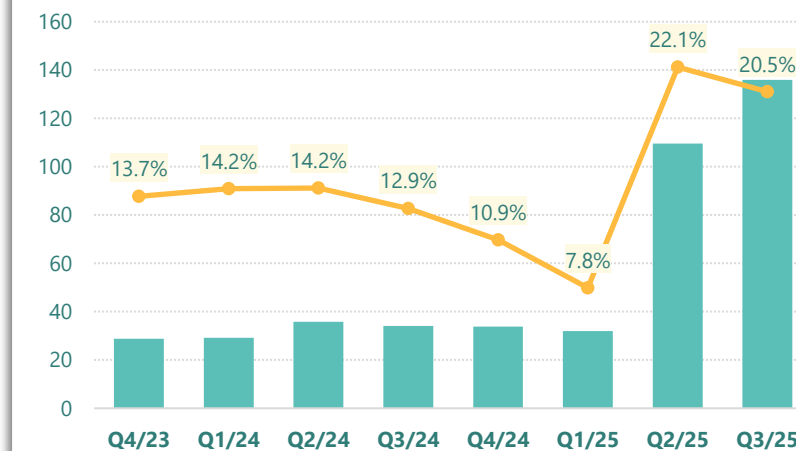


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

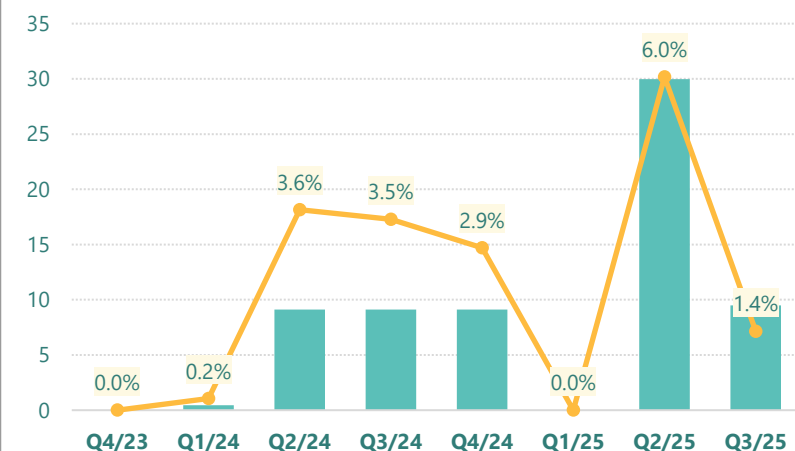


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

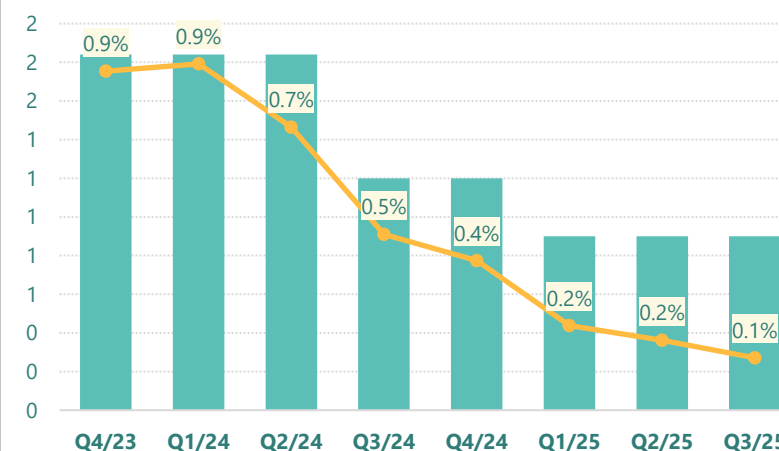


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

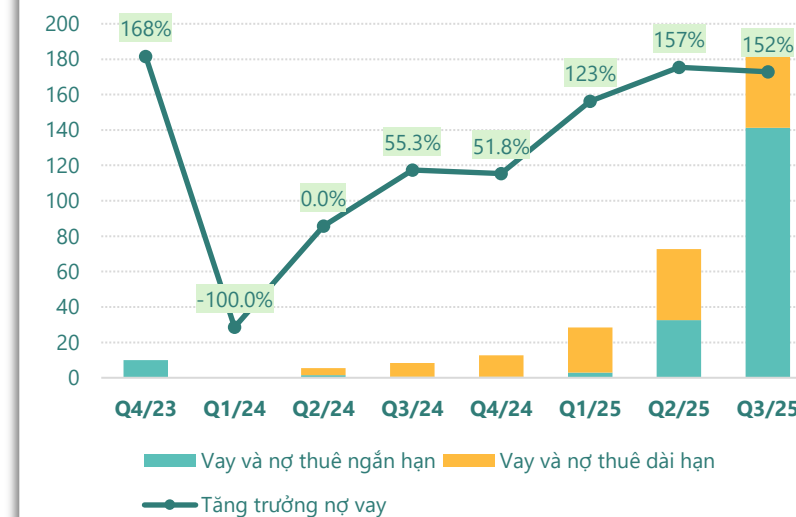


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

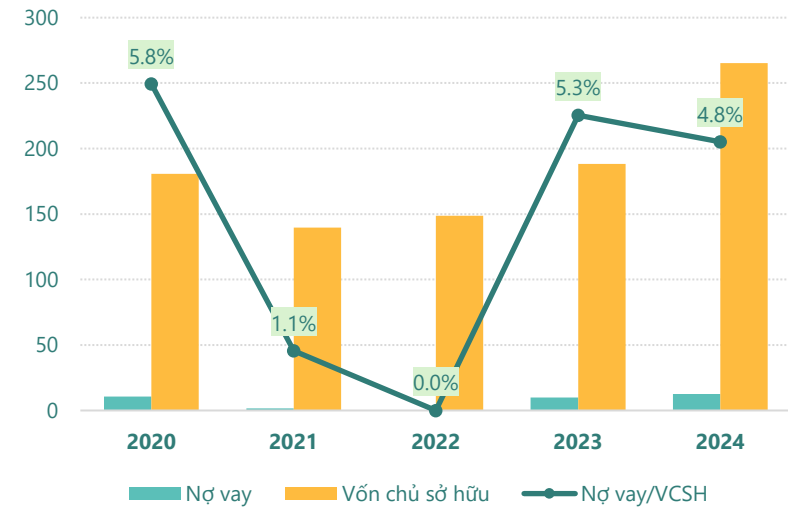
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

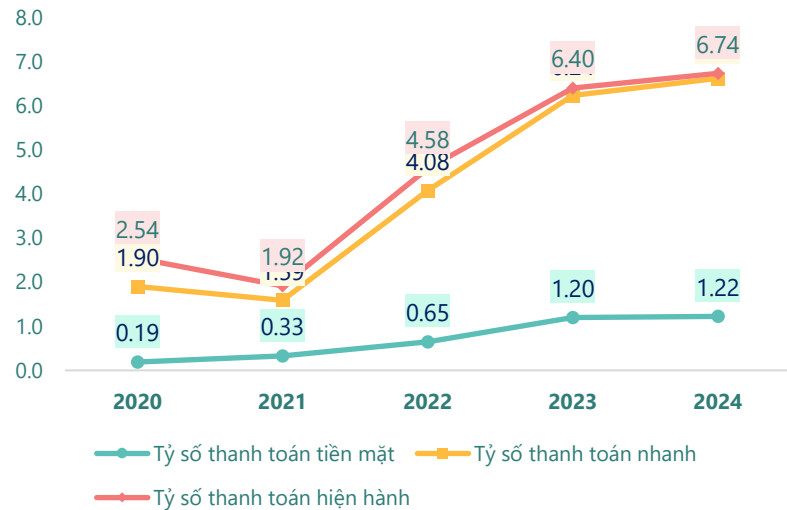
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



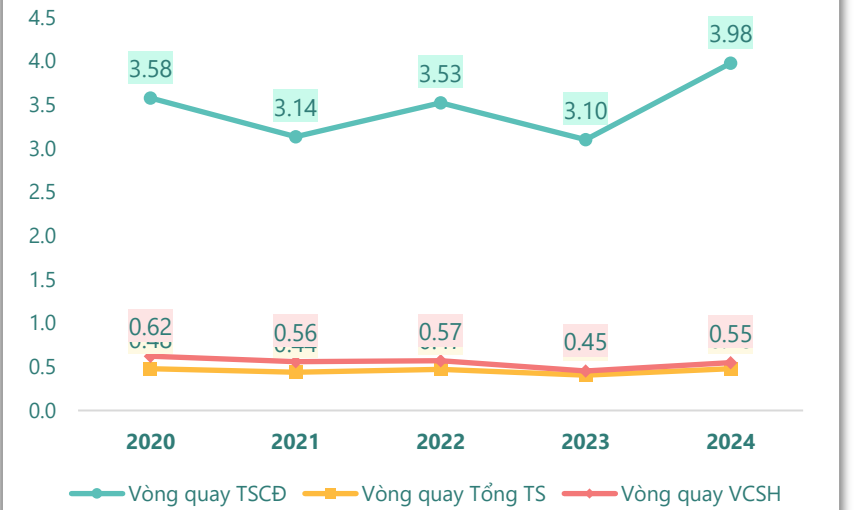
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



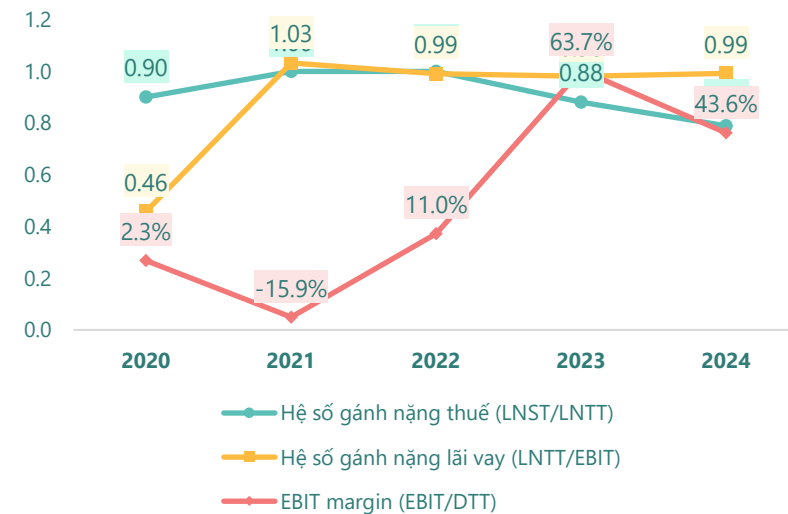
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



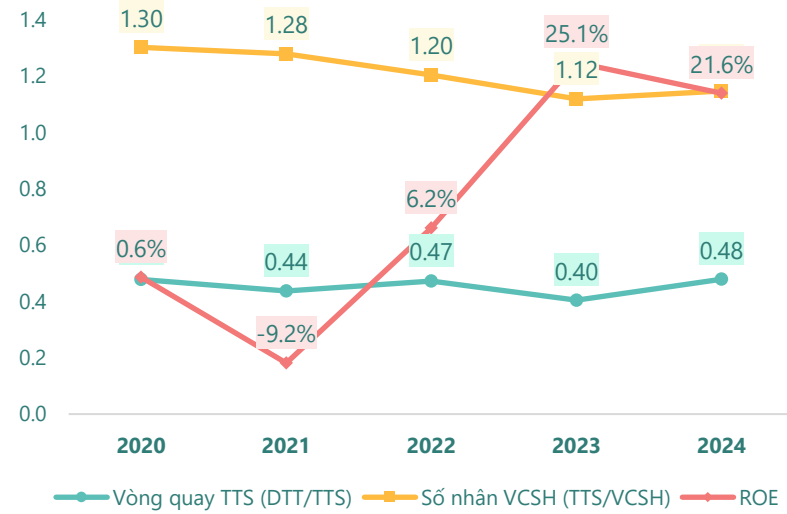
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



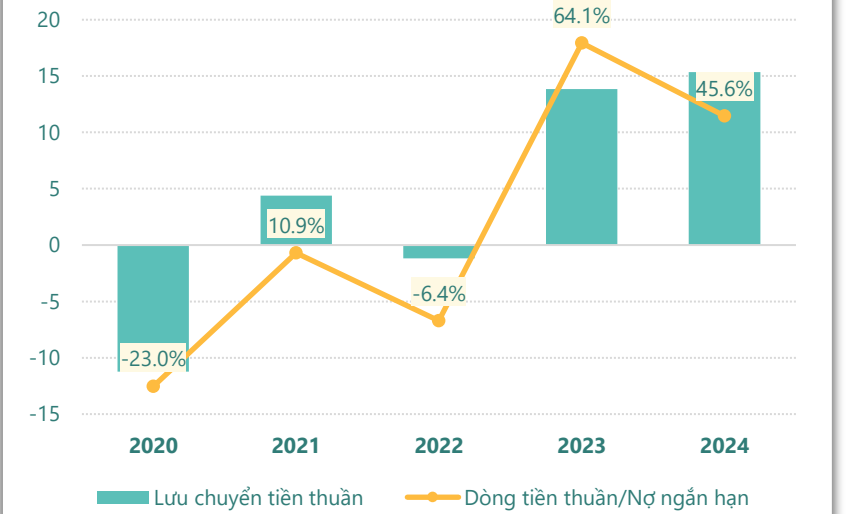
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	72.0	34.4	109%	168	83.9	100%
Giá vốn hàng bán	66.4	31.0	114%	151	79.0	91.0%
Lợi nhuận gộp	5.59	3.49	60.3%	17.2	4.92	251%
Doanh thu HĐTC	45.9	10.6	333%	79.1	56.9	39.1%
Chi phí TC	7.84	0.37	2019%	12.1	4.37	176%
Chi phí lãi vay	3.33	0.09	3604%	4.43	0.19	2250%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.61	0.03	1924%	0.66	0.06	992%
Chi phí QLDN	8.51	4.45	91.1%	19.2	10.3	86.4%
LN thuần từ HĐKD	34.5	9.20	275%	64.4	47.1	36.9%
Lợi nhuận khác	-0.52	-0.20	-158%	-0.59	-0.28	-113%
LN trước thuế	34.0	9.00	278%	63.9	46.8	36.4%
Lợi nhuận sau thuế	27.4	7.41	270%	51.4	38.3	34.2%
LNST của CĐ cty mẹ	21.9	7.66	186%	42.1	39.1	7.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.9	52.5	28.0	-16.8	12.9	-303
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.05	0.80	-88.1	-57.1	-8.28	74.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.36	2.98	37.9	117	16.6	140
Tiền đầu kỳ	34.8	7.17	63.5	41.2	84.0	105
Lưu chuyển tiền thuần	-27.6	56.3	-22.3	42.8	21.1	-88.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.17	63.5	41.2	84.0	105	16.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	664	310	114%
Tài sản ngắn hạn	482	227	113%
Tiền và tương đương tiền	16.3	41.2	-60.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	380	115	230%
Phải thu ngắn hạn	69.2	63.7	8.5%
Hàng tồn kho	5.02	3.85	30.4%
Tài sản ngắn hạn khác	11.4	2.55	347%
Tài sản dài hạn	182	83.6	118%
Phải thu dài hạn	33.2	38.1	-13.0%
Tài sản cố định	136	33.8	302%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.48	9.13	3.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.90	1.20	-25.0%
Tài sản dài hạn khác	2.63	1.30	102%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	248	45.0	451%
Nợ ngắn hạn	205	33.6	511%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	1.29	10832%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	9.52	352%
Nợ dài hạn	42.6	11.4	274%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.6	11.4	274%
Nguồn vốn chủ sở hữu	416	265	57.0%
Vốn chủ sở hữu	416	265	57.0%
Vốn điều lệ	227	151	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

